

Bản án số: 1558/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cẩm Vân
Bà Nguyễn Kim Yến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1318/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **T** sinh năm 1981
Nơi cư trú: Đ, P, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Tạm trú: Đ, P, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông **N** sinh năm 1976
Nơi cư trú: Đ, P, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/6/2017 Toà án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, do T là nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn ông N.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà T trình bày:

Bà và N tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2002, quyền số 01/2002, đăng ký ngày 10/4/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tính tình không còn hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, cách sống. Bà và ông N đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân kéo dài từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc gì cho nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông N;

Về con chung: Bà xác định không có con chung;

Về tài sản: Bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đồng thời bà có đơn xin xét xử vắng mặt và cam kết giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông N, đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa là đúng thẩm quyền. Tòa án ra thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cũng như niêm yết các thủ tục xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật. Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân thủ pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, mặc dù Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T; Về con chung: Không có; Về tài sản: Bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà T xin ly hôn với ông N, là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông N cư trú tại Đ, P, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông N đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà T và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2002, quyển số 01/2002, đăng ký ngày 10/4/2002, nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà T trình bày lý do xin ly hôn là do từ năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tính tình không còn hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, cách sống. Bà và ông N đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân kéo dài từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc gì cho nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà yêu cầu ly hôn với ông N để sớm ổn định cuộc sống.

Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án nhiều lần triệu tập tham gia các phiên hòa giải đoàn tụ, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đã tổng đạt biên bản phiên họp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng khi mở phiên tòa ông N vẫn không có mặt, không có ý kiến phản hồi, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà T. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật là không nghiêm, đồng thời ông cũng tự tước bỏ quyền trình bày bảo vệ những yêu cầu của mình tại Tòa, thể hiện việc không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà T.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, đã nhiều lần phân tích, động viên bà Thanh trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc với ông N. Tuy nhiên bà vẫn cương quyết giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông N vì tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa bà và ông N đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc vững bền cần phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của cả hai vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên giữa bà T và ông N có nhiều bất hòa trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai ông bà cũng đã cố gắng hòa giải những bất hòa trong cuộc sống nhưng không thành, dẫn đến việc ông bà sống ly thân kéo dài từ năm 2015 cho đến nay, không ai còn quan tâm lo lắng chăm sóc gì cho nhau, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông N là trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó việc bà T xin ly hôn với ông N là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản: Bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí, Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 266, 271, 273, 278, 280, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T;

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T được ly hôn với ông N.

- **Về con chung:** Bà T xác định không có con chung, nên Tòa án không xét.

- **Về tài sản:** Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002346 ngày 28/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Ủy ban nhân dân phường T,
Quận P, TPHCM
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Xuân Thúc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đức Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mã Văn Trọng
Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Căn cứ Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự, vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 05/2/2015, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Hội đồng xét xử tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 695/2014/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2014 về tranh chấp Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **YAP NEWK PIN YVES JOSÉ** - sinh năm: 1946
Passport số: 04PI71700 cấp tại Cộng Hòa Pháp
Tạm trú: 251/45 đường Lê Quang Định, phường 7, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

Bị đơn: Bà **Võ Thị Mỹ Dung** - sinh năm: 1963
HKTT: 117/7 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh, TPHCM

Nội dung nghị án:

I. Về tố tụng:

➤ Ông YAP NEWK PIN YVES JOSÉ xin ly hôn với bà Võ Thị Mỹ Dung, là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự (Biểu quyết: 3/3);

➤ Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 412 của Bộ luật tố tụng dân sự (Biểu quyết: 3/3);

Ông YAP NEWK PIN YVES JOSÉ và bà Võ Thị Mỹ Dung cùng xin vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự.

(Biểu quyết: 3/3).

II. Về nội dung:

Sau khi thảo luận và biểu quyết từng vấn đề, Hội đồng xét xử biểu quyết nhất trí 3/3 quyết định như sau:

Về điều luật áp dụng: Biểu quyết nhất trí 3/3

Căn cứ vào các Điều 27, 33, 35, 131, 202, 238, 243, 245 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Về nội dung và quyết định của HĐXX : Biểu quyết nhất trí 3/3

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông NEWK PIN YVES JOSÉ
2. Ông NEWK PIN YVES JOSÉ (sinh năm 1946) và bà Võ Thị Mỹ Dung (sinh năm 1963) ly hôn với nhau.
3. Về con chung: Không có
4. Về tài sản chung, nợ chung: không có
5. Ông NEWK PIN YVES JOSÉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03085 ngày 25/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, ông NEWK PIN YVES JOSÉ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Việc nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 05/02/2015, các thành viên trong Hội đồng xét xử đã đọc lại Biên bản nghị án và cùng ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
chủ tọa phiên tòa**

Vũ Đức Toàn